

Số: /BC-THPT BK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Nội dung “Ba công khai” năm học 2024 - 2025
theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

***Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí
việc làm và trình độ được đào tạo**

STT	TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao năm 2024	
				Viên chức	HDLĐ theo NĐ 111
	I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	3	0
1	1.1	Hiệu trưởng	1	1	
2	1.2	Phó Hiệu trưởng	1	2	
	II	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành			1
3	2.1	Giáo viên trung học phổ thông hạng I	1	0	0
4	2.2	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	1	0	
5	2.3	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	1	41	
6	2.4	Thiết bị, thí nghiệm	1		1
7	2.5	Giáo vụ	1		
8	2.6	Tư vấn học sinh	1	1	
9	2.7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	0	
	III	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	17	4	1
10	3.1	Thư viện viên hạng I	1		
11	3.2	Thư viện viên hạng II	1		
12	3.3	Thư viện viên hạng III	1		
13	3.4	Thư viện viên hạng IV	1	1	

14	3.5	Công nghệ thông tin hạng II	1		
15	3.6	Công nghệ thông tin hạng III	1		
16	3.7	Công nghệ thông tin hạng IV	1	1	
17	3.8	Kế toán viên chính	1	1	
18	3.9	Kế toán viên	1		
19	3.10	Kế toán viên trung cấp	1		
20	3.11	Chuyên viên thủ quỹ	1		
21	3.12	Cán sự thủ quỹ	1		
22	3.13	Nhân viên thủ quỹ	1		
23	3.14	Văn thư viên chính	1		
24	3.15	Văn thư viên	1		
25	3.16	Văn thư viên trung cấp	1	1	
26	3.17	Y tế học đường	1		1
	IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	2	0	4
27	4.1	Nhân viên Bảo vệ	1		2
28	4.2	Nhân viên Phục vụ	1		2

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh:

- Diện tích khu đất: 26.068 m²
- Diện tích xây dựng: 4.578.4 m²
- Số điểm trường: 01
- Diện tích bình quân tối thiểu: 5,49m²/1 học sinh

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật

- Số phòng học: 24 phòng học (69.5 m²/phòng)
- Số phòng chức năng: 12 phòng
- + 01 phòng thư viện (216 m²);
- + 07 phòng học bộ môn (101,3m²/phòng);
- + 02 phòng vi tính (101,3m²/phòng);
- + 02 phòng nghe nhìn (144m²/phòng).

- Khu hiệu bộ; khối Hành chính - Quản trị: 07 phòng (01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Tài vụ, 01 phòng Văn thư, 01 phòng Tiếp khách, 01 phòng Hội đồng).

- Có 02 khu sân chơi và bãi tập thể dục thể thao (6.000 m²); 01 nhà thi đấu đa năng (hơn 986 m²).

- Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

- Khu phụ trợ: 1.011,16 m²

+ 03 khu vệ sinh giáo viên (72 m²)

+ 06 khu vệ sinh của học sinh nam và nữ (180 m²);

+ 01 phòng phòng y tế (24 m²);

+ 01 nhà bảo vệ (15m²);

+ 01 nhà để xe giáo viên (112,0 m²);

+ 01 nhà để xe học sinh (446,16 m²)

+ 02 phòng nghỉ giáo viên 48 m²)

+ 01 Phòng công đoàn (24 m²);

+ 01 phòng tâm lý (12 m²);

+ 01 hội trường (428,7 m²);

c) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

***Khối 10**

STT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
MÔN BẮT BUỘC			
1	- Toán 10 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Toán 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Toán 10 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Ngữ văn 10 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Ngữ văn 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Ngữ văn 10 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục thể chất - Cầu lông: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Bóng đá: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Bóng chuyền: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Đá cầu: Cánh Diều	Giáo dục Việt Nam	
4	- Lịch sử 10: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Lịch sử 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Lịch sử 10: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	- Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	
6	- Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
7	- Tiếng anh - Global Success	Giáo dục	

		Việt Nam	
MÔN TỰ CHỌN			
1	- Vật lý 10: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Vật lý 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Vật lý 10: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Địa lý 10: Chân trời sáng tạo. - Chuyên đề học tập Địa lý 10: Chân trời sáng tạo. - Bài tập Địa lý 10: Chân trời sáng tạo.	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục kinh tế và pháp luật: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề giáo dục kinh tế và pháp luật: Chân trời sáng tạo. - Bài tập giáo dục kinh tế và pháp luật.	Giáo dục Việt Nam	
4	- Hóa học 10: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Hóa học 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Hóa học 10: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	- Sinh học 10: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Sinh học 10: Chân trời sáng tạo - Bài tập Sinh học 10: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
6	- Tin học 10: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập tin học 10 - Khoa học máy tính: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Tin học 10 - Khoa học ứng dụng	Giáo dục Việt Nam	
7	- Công nghệ 10 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	

***Khối 11**

STT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
MÔN BẮT BUỘC			
1	- Toán 11 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Toán 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Toán 11 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Ngữ văn 11 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Ngữ văn 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Ngữ văn 11 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục thể chất - Cầu lông: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Bóng đá: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Bóng chuyền: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Đá cầu: Cánh Diều	Giáo dục Việt Nam	
4	- Lịch sử 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Lịch sử 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Lịch sử 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	

5	- Giáo dục quốc phòng và an ninh 11: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	
6	- Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
7	- Tiếng anh - Global Success.	Giáo dục Việt Nam	
MÔN TỰ CHỌN			
1	- Vật lý 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Vật lý 11: Chân trời sáng tạo. - Bài tập Vật lý 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Địa lý 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Địa lý 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Địa lý 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề giáo dục kinh tế và pháp luật 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập giáo dục kinh tế và pháp luật	Giáo dục Việt Nam	
4	- Hóa học 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Hóa học 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Hóa học 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	- Sinh học 11: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Sinh học 11: Chân trời sáng tạo - Bài tập Sinh học 11: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
6	- Tin học 11: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập tin học 11 - Khoa học máy tính: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Tin học 11 - Khoa học ứng dụng	Giáo dục Việt Nam	
7	- Công nghệ 11 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	

***Khối 12**

STT	TÊN SÁCH	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
MÔN BẮT BUỘC			
1	- Toán 12 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Toán 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Toán 12 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Ngữ văn 12 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Ngữ văn 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Ngữ văn 12 (tập 1,2): Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục thể chất - Cầu lông: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Bóng đá: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	

	- Giáo dục thể chất - Bóng chuyền: Kết nối tri thức - Giáo dục thể chất - Đá cầu: Cánh Diều		
4	- Lịch sử 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Lịch sử 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Lịch sử 12: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	- Giáo dục quốc phòng và an ninh 12: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	
6	- Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 12: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
7	- Tiếng anh - Global Success	Giáo dục Việt Nam	
MÔN TỰ CHỌN			
1	- Vật lý 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Vật lý 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Vật lý 12: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
2	- Địa lý 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Địa lý 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Địa lý 12: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
3	- Giáo dục kinh tế và pháp luật 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề giáo dục kinh tế và pháp luật 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập giáo dục kinh tế và pháp luật	Giáo dục Việt Nam	
4	- Hóa học 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Hóa học 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Hóa học 12: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
5	- Sinh học 12: Chân trời sáng tạo - Chuyên đề học tập Sinh học 12: Chân trời sáng tạo - Bài tập Sinh học 10: Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
6	- Tin học 12: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập tin học 12 - Khoa học máy tính: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Tin học 12 - Khoa học ứng dụng	Giáo dục Việt Nam	
7	- Công nghệ 12 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức - Chuyên đề học tập Công nghệ 12 - Công nghệ và thiết kế công nghệ: Kết nối tri thức	Giáo dục Việt Nam	

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học (Đính kèm)

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường
- Quy chế phối hợp giáo dục giữa gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

- Các chương trình hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh trong nhà trường

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh

Khối	Tổng số	Học sinh nam/nữ	Dân tộc thiểu số	Học sinh khuyết tật	Sĩ số bình quân/lớp	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	Học sinh chuyển đến	Học sinh chuyển đi
Khối 10	297	137/160	0	2	42.4	297	0	2
Khối 11	250	118/132	0	1	41.7	250	4	6
Khối 12	219	92/127	2	0	36.5	219	1	0
TỔNG	766	347/419	2	3	40.3	766	5	8

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trước ngày 01/07/2024 theo TT36)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	766	297	250	219
1	Tốt	733	272	243	218
	(tỷ lệ so với tổng số)	95,69%	91,58%	97,20%	99,54%
2	Khá	26	18	7	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	3,39%	6,06%	2,80%	0,46%
3	Trung bình	-	-	-	-
	(tỷ lệ so với tổng số)				
4	Yếu	-	-	-	-
	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	Đạt	7	7	-	-
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,91%	2,36%		
6	Chưa đạt	-	-	-	-
	(tỷ lệ so với tổng số)				
II	Số học sinh chia theo học lực	766	297	250	219
1	Giỏi	102	-	-	102
	(tỷ lệ so với tổng số)	13,32%			46,58%
2	Khá	327	115	112	100
	(tỷ lệ so với tổng số)	42,69%	38,72%	44,80%	45,66%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17	-	-	17
		2,22%			7,76%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
6	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	138	60	78	-
		18,02%	20,20%	31,20%	
7	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	165	107	58	-
		21,54%	36,03%	23,20%	
8	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17	15	2	-
		2,22%	5,05%	0,80%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	766	297	250	219
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	530	282	248	-
		69,19%	94,95%	99,20%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	17	15	2	-
		2,22%	5,05%	0,80%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6	5	1	-
		0,78%	1,68%	0,40%	
4	Rèn luyện hè (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
5	Đủ điều kiện dự thi (tỷ lệ so với tổng số)	219	-	-	219
		28,59%			100,00%
6	Không đủ điều kiện dự thi (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
A	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	37	16	21	-
		4,83%	5,39%	8,40%	
B	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	203	44	57	102
		26,50%	14,81%	22,80%	46,58%
C	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	100	-	-	100
		13,05%			45,66%
7	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/8	0/2	4/6	1/0
8	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
9	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	11	4	3	4
		1,42%	0,52%	0,39%	0,52%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	23	4	13	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	219			219
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	218			218
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0			
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0			
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	347/419	137/160	118/132	92/127
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	0	0	2

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ban lãnh đạo trường;
- Giáo viên, nhân viên nhà trường;
- Lưu: VT.

Ngô Tấn Hưng